

“Vững bước
vươn lên
tầm cao mới”





SINH HOẠT TẬP HUẤN ĐẦU CẤP THPT

Năm học: 2024 - 2025

(CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG – 2018)

HƯỚNG DẪN: THẦY BÙI QUỐC HUY – PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGÀY 26, 27 THÁNG 8 NĂM 2024



KẾ HOẠCH DẠY & HỌC
THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT-2018
02 BUỔI/NGÀY
Năm học: 2024 - 2025

***Mục tiêu:**

- 1- Tổ chức hoạt động dạy & học, hoạt động giáo dục của nhà trường.**
- 2- Tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá & xét duyệt kết quả học tập, rèn luyện.**
- 3- Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện.**

KHUNG
THỜI GIAN
NĂM HỌC
2024 -
2025

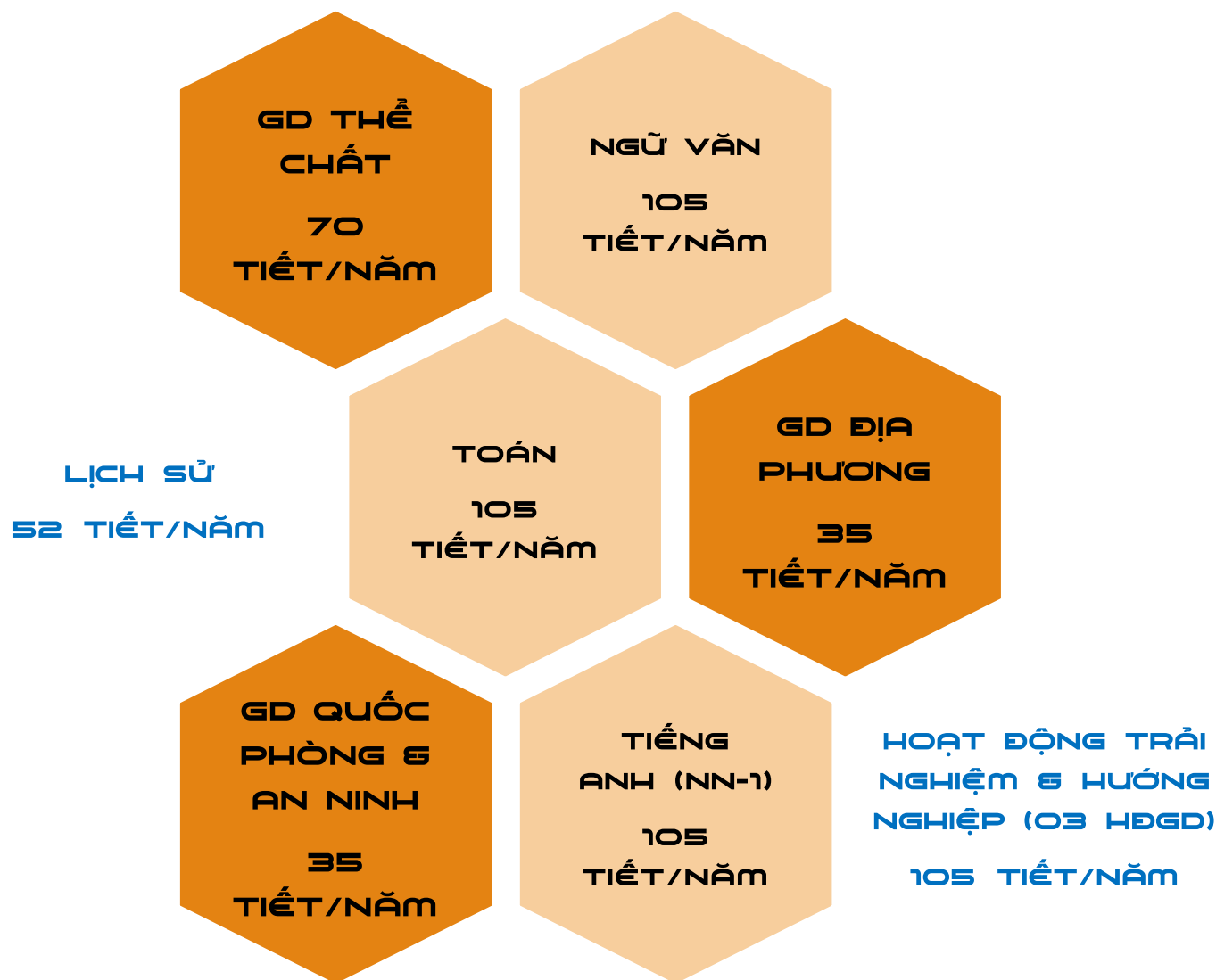
HỌC KỲ	Tựu trường	Khai giảng / Bắt đầu học	Kết thúc
HỌC KỲ 1 (18 tuần học + 01 tuần kiểm tra, đánh giá cuối Học kỳ); thời gian còn lại dành cho hoạt động giáo dục khác.	Từ ngày 26/8/2024 : tập trung học sinh; tập huấn đầu cấp; diễn tập Lễ Khai giảng.	Ngày 05/9/2024 : Khai giảng; Bắt đầu học theo Thời khóa biểu Học kỳ 1 (dạy & học 02 buổi /ngày; từ sáng thứ Hai đến hết sáng thứ Bảy /tuần).	Ngày 11/01/2025 hoàn tất Chương trình Học kỳ 1.

KHUNG
THỜI GIAN
NĂM HỌC
2024 -
2025

HỌC KỲ	Tựu trường	Khai giảng / Bắt đầu học	Kết thúc
HỌC KỲ 2 (17 tuần học + 01 tuần kiểm tra, đánh giá cuối Học kỳ); thời gian còn lại dành cho hoạt động giáo dục khác.	*	Từ ngày 13/01/2025 : Bắt đầu học theo Thời khóa biểu Học kỳ 2 (dạy & học 02 buổi /ngày; từ sáng thứ Hai đến hết sáng thứ Bảy /tuần)	Ngày 24/5/2025 : hoàn tất Chương trình Học kỳ 2; Bế giảng năm học trước ngày 31/5/2025 .

MÔN HỌC VÀ
CÁC HOẠT
ĐỘNG GIÁO
DỤC **BẮT BUỘC**
(**08** MÔN)

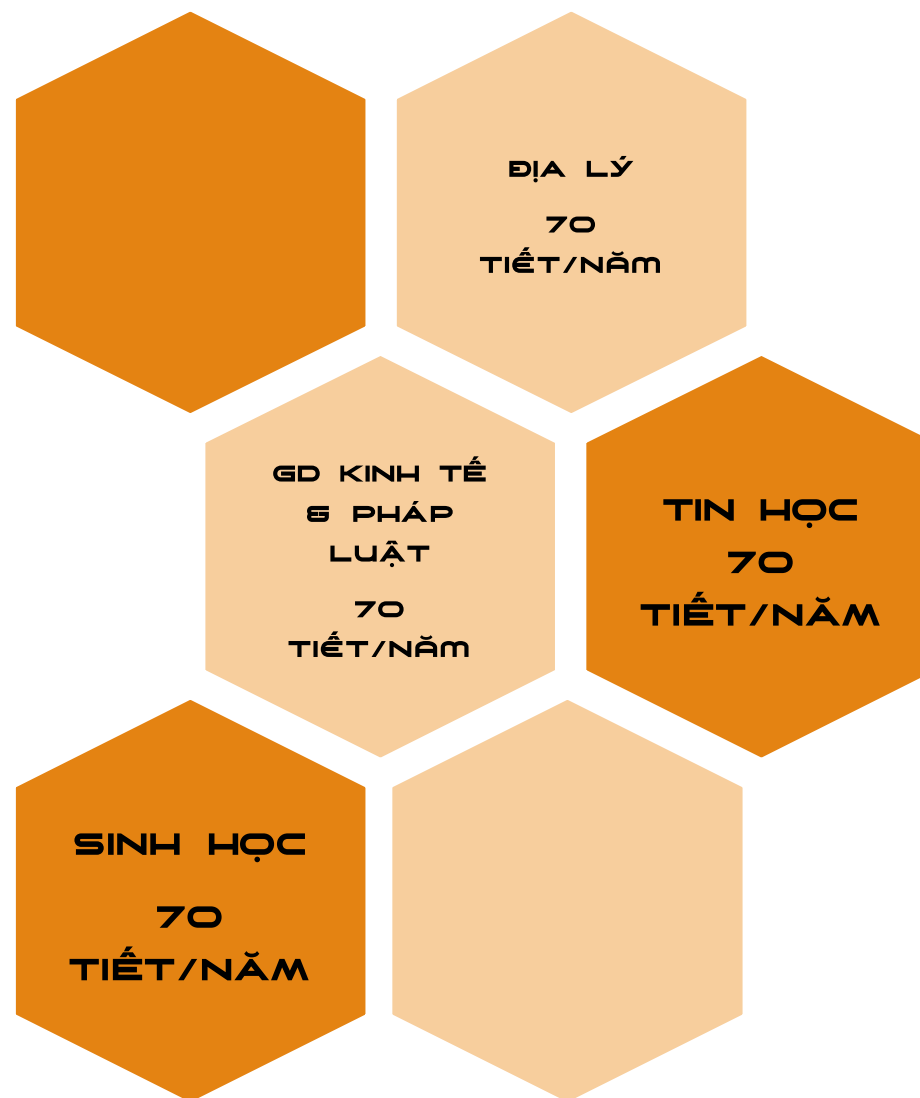
ĐỐI VỚI TOÀN
KHỐI LỚP 10



MÔN HỌC LỰA
CHỌN - NHÓM
MÔN KHOA HỌC
XÃ HỘI

(04 MÔN /NHÓM
MÔN KH.XH)

ĐỐI VỚI NHÓM
LỚP TỪ 10A.01
ĐẾN 10A.06

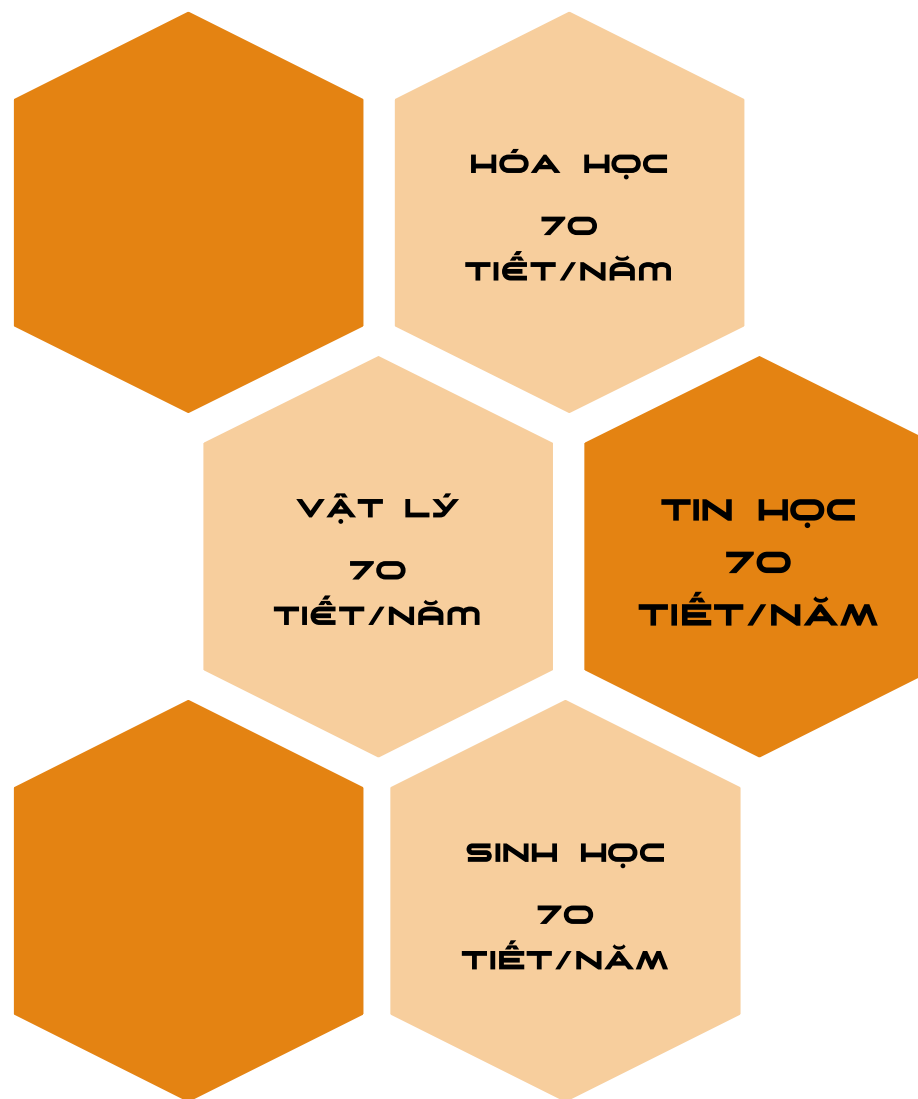


MÔN HỌC LỰA
CHỌN - NHÓM
MÔN KHOA HỌC

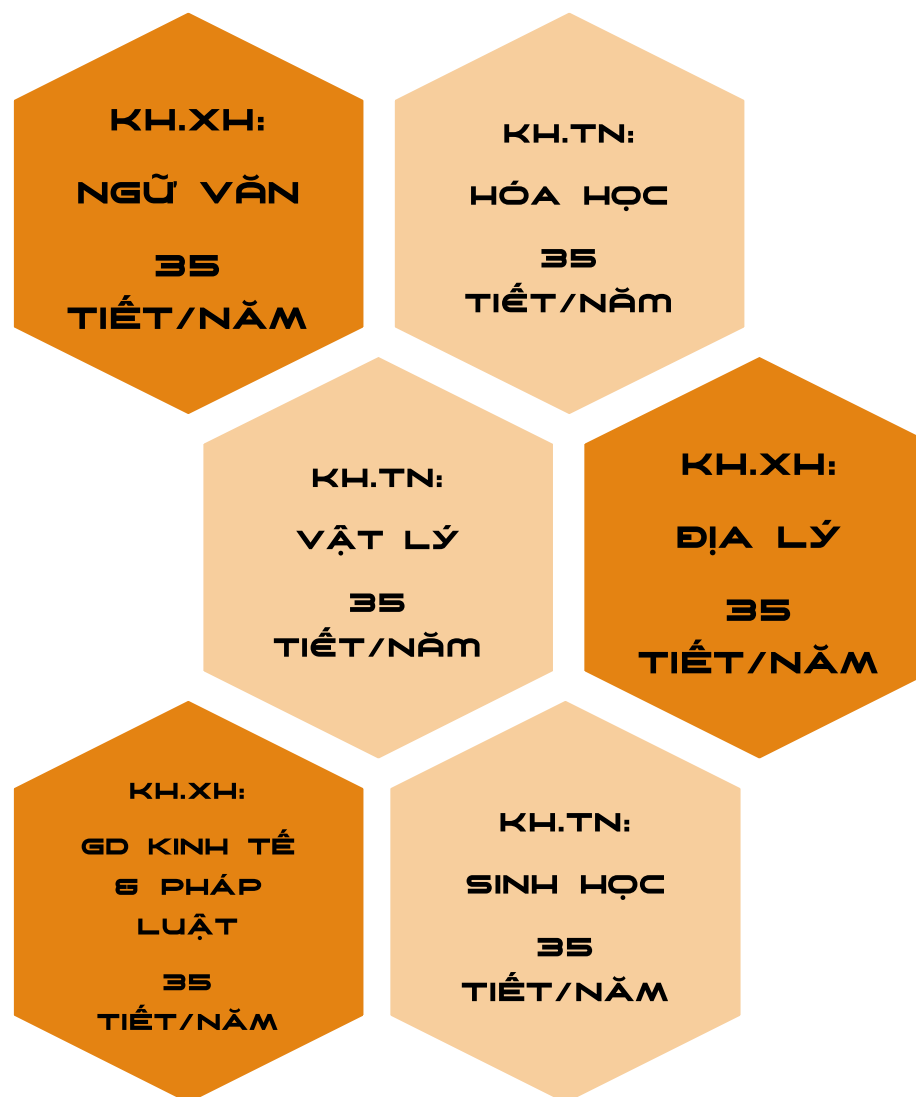
TỰ NHIÊN

(04 MÔN /NHÓM
KH.TN)

ĐỐI VỚI NHÓM
LỚP TỪ 10B.07
ĐẾN 10B.14



**03 CỤM CHUYÊN
ĐỀ HỌC TẬP
(105 TIẾT/NĂM)
LỰA CHỌN THEO
NHÓM MÔN
KHOA HỌC CỦA
MỖI NHÓM LỚP
(KH.TN & KH.XH)**



**KHUNG THỜI
GIAN DỰ KIẾN
KỲ KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ.

NĂM HỌC
2024 - 2025**

Hình thức & thời gian	Tổ chức kiểm tra không tập trung (trên lớp học)	Tổ chức kiểm tra Tập trung toàn trường (lịch trình riêng)	Xét duyệt đánh giá kết quả học tập & rèn luyện
Giữa HỌC KỲ 1 (tuần 08, 09)	Từ ngày 21/10/2024	Từ ngày 28/10/2024	
Cuối HỌC KỲ 1 (tuần 16, 17)	Từ ngày 23/12/2024	Từ ngày 16/12/2024	Trước ngày 13/01/2025; Dự kiến Họp CMHS – Lần 2 vào cuối tuần 19.

**KHUNG THỜI
GIAN DỰ KIẾN
KỲ KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ.

NĂM HỌC
2024 - 2025**

Hình thức & thời gian	Tổ chức kiểm tra không tập trung (trên lớp học)	Tổ chức kiểm tra Tập trung toàn trường (lịch trình riêng)	Xét duyệt đánh giá kết quả học tập & rèn luyện
Giữa HỌC KỲ 2 (tuần 28, 29)	Từ ngày 10/3/2025	Từ ngày 17/3/2025	
Cuối HỌC KỲ 2 (tuần 34, 35)	Từ ngày 28/4/2025	Từ ngày 21/4/2025	Trước ngày 19/5/2025 ; Dự kiến Họp CMHS – Lần 3 vào cuối tuần 38.

CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRỰC TUYẾN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Bao gồm:

Quản lý thông tin học sinh (sổ điểm điện tử);

**Quản lý dạy học, khảo thí trực tuyến (LMS -
learning management systems);**

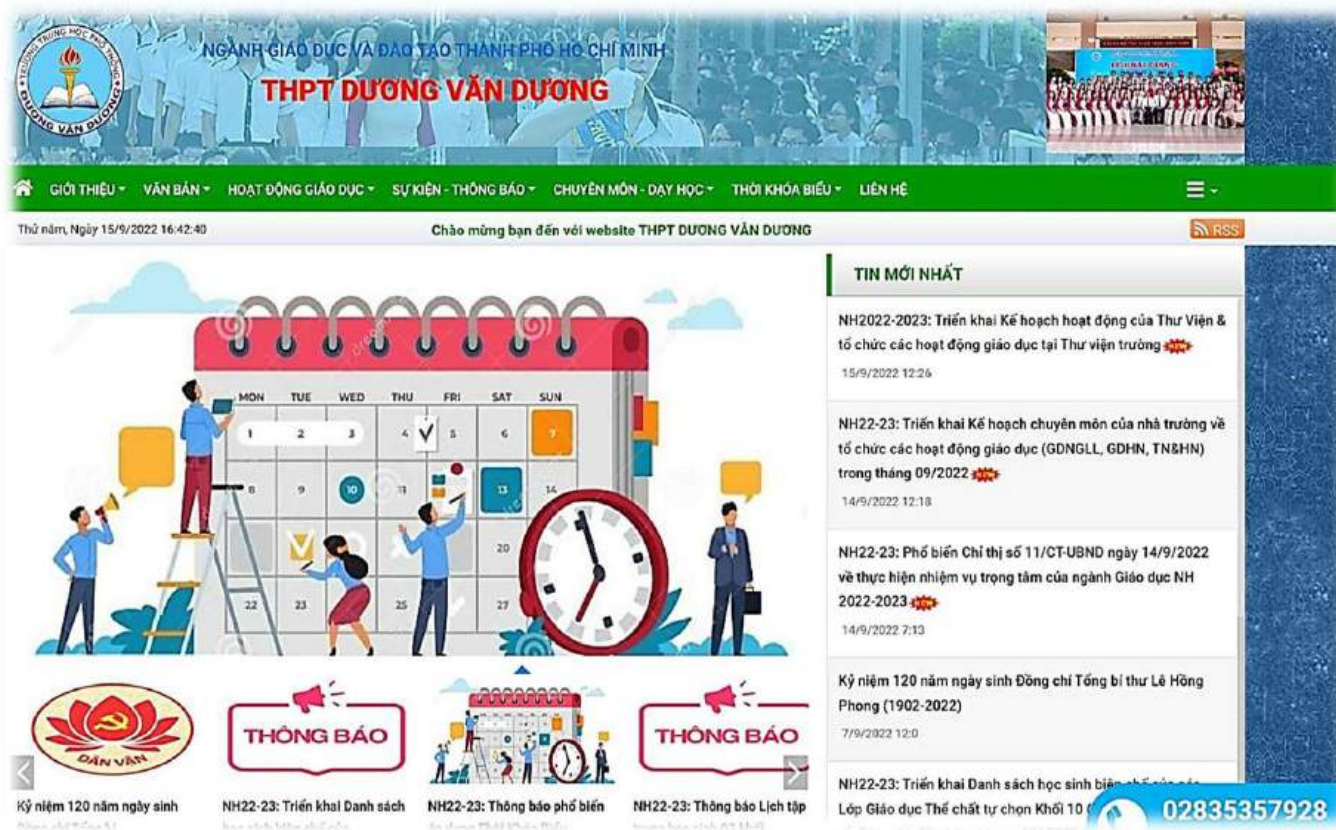
Quản lý các kênh thông tin điện tử, truyền thông;

CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỐ



CÁC KÊNH THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRỰC TUYẾN CHÍNH THỨC

**Hệ thống Quản lý thông tin điện tử, truyền thông
trực tuyến (website – trang điện tử nhà trường):**
<https://thptduongvanduong.hcm.edu.vn>



ĐỊNH HƯỚNG

NHIỆM VỤ HỌC TẬP & RÈN LUYỆN

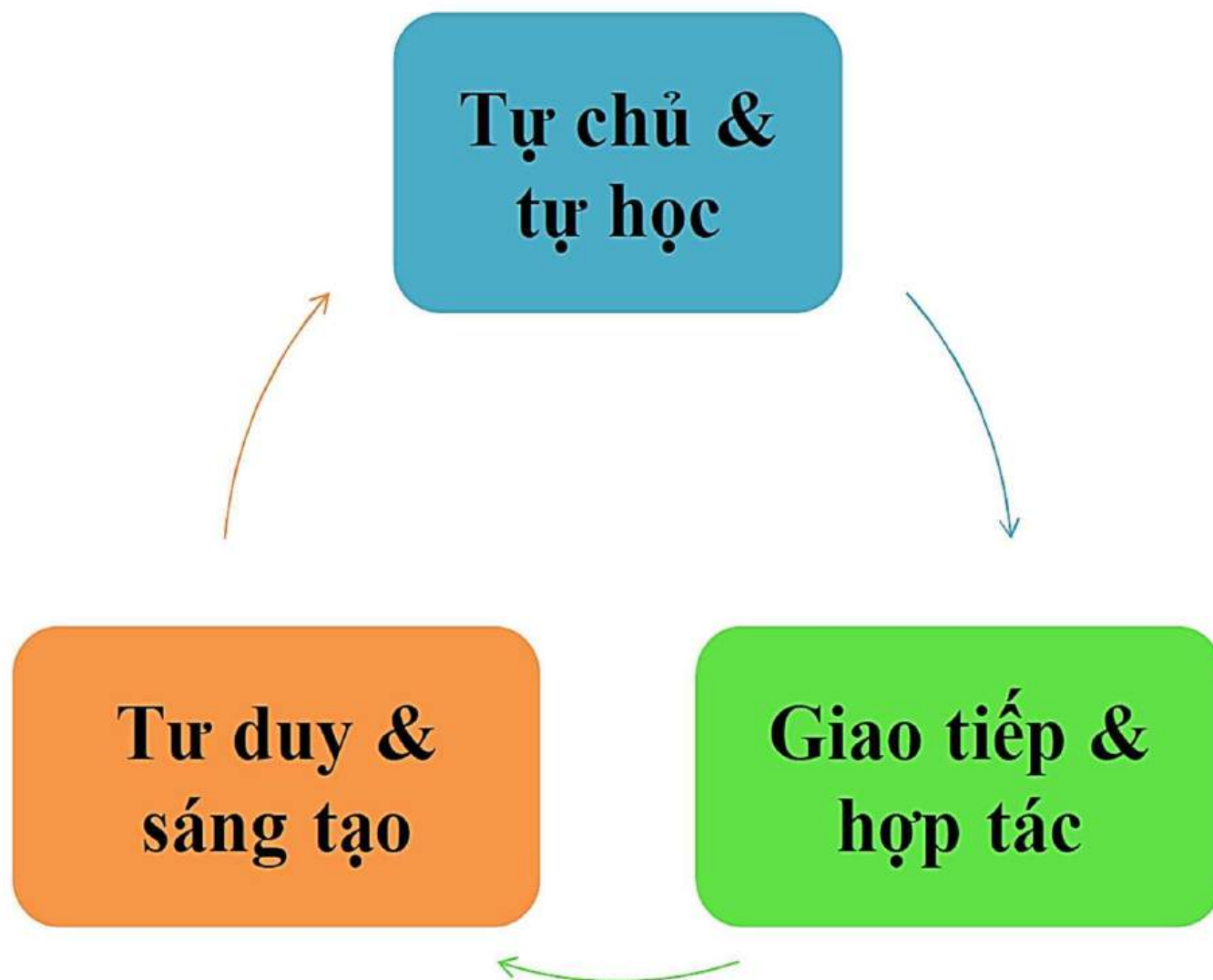
(THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH
THEO NGUYÊN TẮC 3-4-5-6-7)



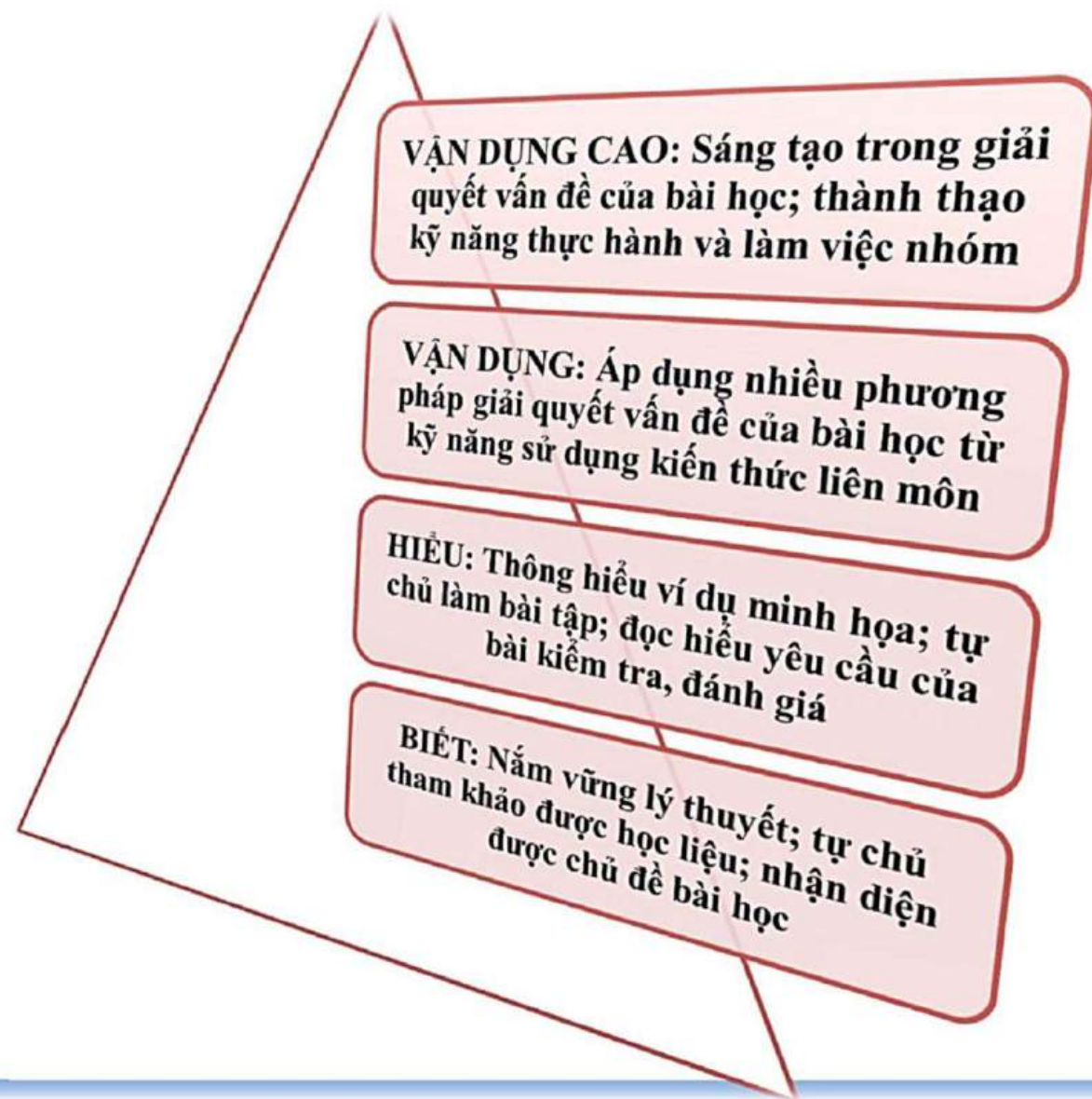
Học tập tích cực & Học tập tự chủ

03

**NĂNG LỰC
CHUNG CỦA
HỌC SINH
CẦN ĐẠT
(KẾT QUẢ
HỌC TẬP /
HỌC LỰC)**



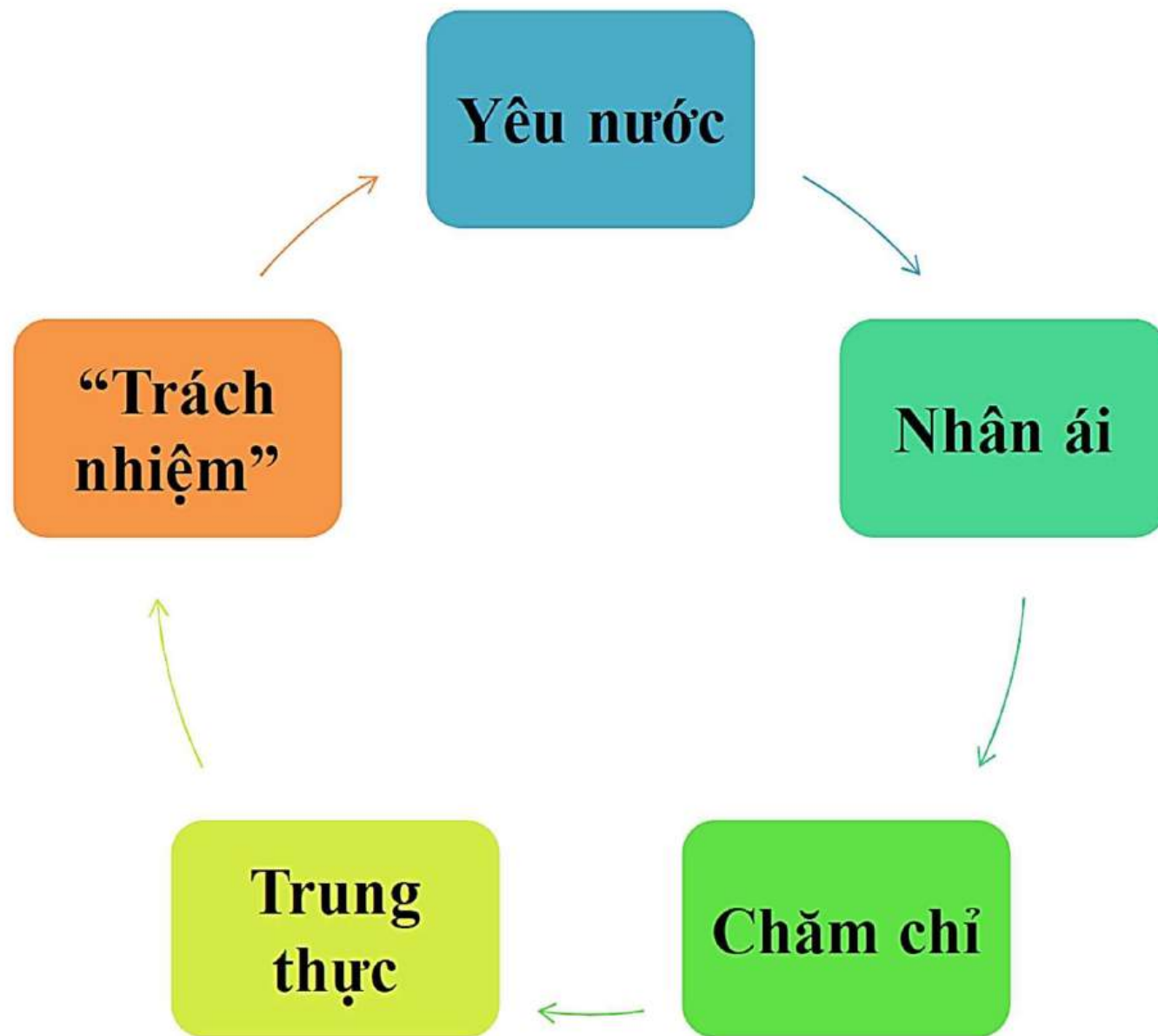
**04 MỨC THEO
THANG ĐÁNH
GIÁ NĂNG LỰC,
KỸ NĂNG CẦN
ĐẠT CỦA TỪNG
MÔN HỌC
(ĐÁP ỨNG CÁC
YÊU CẦU
CHƯƠNG TRÌNH
GDPT-2018)**



05

**PHẨM CHẤT
CHỦ YẾU CỦA
HỌC SINH
CẦN ĐẠT**

**(KẾT QUẢ
RÈN LUYỆN /
HẠNH KIỂM)**



06

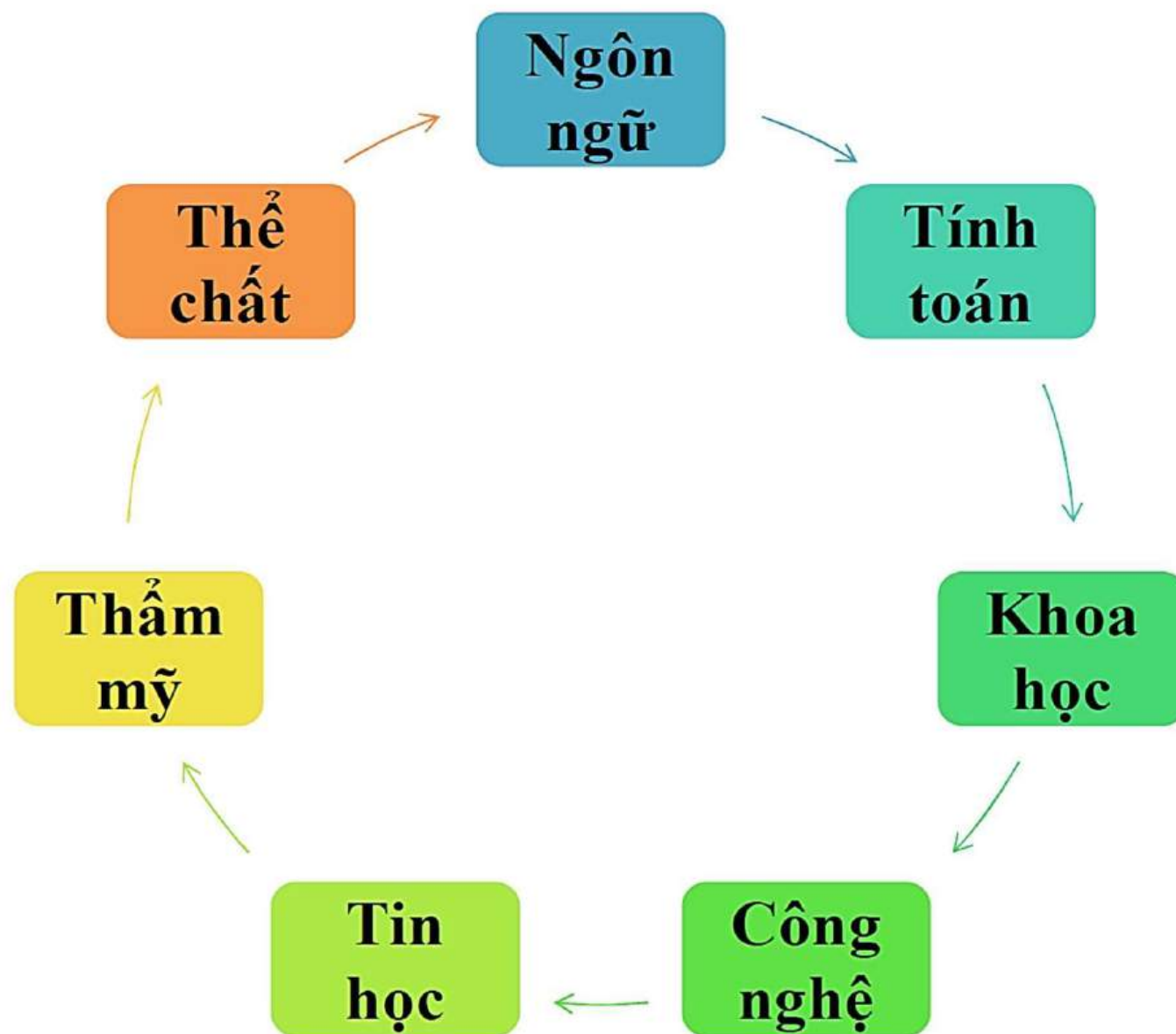
**TRÁCH NHIỆM
TRỌNG ĐIỂM
QUYẾT TÂM
HOÀN THÀNH
(KẾT QUẢ
RÈN LUYỆN /
HẠNH KIỂM)**

- *1. Tích cực, chuyên cần trong học tập; chủ động, tự chủ rèn luyện ở tất cả môn học, hoạt động giáo dục chủ điểm; đảm bảo đúng đủ yêu cầu kiểm tra, đánh giá của các môn học.
- *2. Kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; giúp đỡ gia đình.
- *3. Thực hiện nghiêm túc Điều lệ, Nội quy của nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước.
- *4. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh các nhân;
- *5. Tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, công tác xã hội và thực hiện tốt yêu cầu về An toàn giao thông, An ninh mạng xã hội;
- *6. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, của nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống nhà trường.

07

**NĂNG LỰC ĐẶC
THÙ CẦN ĐẠT
ĐỐI VỚI TỪNG
MÔN HỌC VÀ
HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC CỦA
MÔN HỌC**

**(ĐÁP ỨNG YÊU
CẦU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC
TẬP MÔN HỌC)**



QUY CHẾ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN, HỌC TẬP & XẾP LOẠI HỌC SINH (HẠNH KIỂM, HỌC LỰC & DANH HIỆU)

Những trọng điểm, điểm mới về công tác
Đánh giá, xếp loại học sinh trung học

*(trích Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày
20/7/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định
đánh giá học sinh THPT)*

NGUYÊN TẮC

**TỔ CHỨC, THỰC
HIỆN QUY
TRÌNH CÔNG
TÁC ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) ĐỐI VỚI
HỌC SINH
THPT**

Căn cứ & quy trình tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện

Căn cứ trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học (quy định trong chương trình tổng thể); yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (quy định trong chương trình GDPT của môn học).

*Giáo viên bộ môn: nhận xét, đánh giá sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình học tập môn học.

*Giáo viên chủ nhiệm: kết luận nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định sau khi tham khảo nhận xét, đánh giá từ nhiều phương diện.

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
MỖI HỌC KỲ**

Mức	Tiêu chí đánh giá
TỐT	Đáp ứng "tốt" yêu cầu cần đạt về 05 phẩm chất chủ yếu; có nhiều biểu hiện, ưu điểm nổi bật.
KHÁ	Đáp ứng yêu cầu cần đạt về 05 phẩm chất chủ yếu; có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.
ĐẠT	Đáp ứng yêu cầu cần đạt tối thiểu về 05 phẩm chất chủ yếu.
CHƯA ĐẠT	Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt tối thiểu về 05 phẩm chất chủ yếu.

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
MỖI HỌC KỲ**

Mức đánh giá	Tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể
TỐT	+ Học sinh thực hiện tốt các yêu cầu chung về nhiệm vụ, trách nhiệm của học sinh đối với nhà trường, được quy định tại Điều lệ trường học. + Học sinh thực hiện tốt các yêu cầu về giao tiếp ứng xử, trang phục; quy định các hành vi không được phép làm. + Học sinh có thái độ đúng đắn trong việc thực hành đạo đức, lối sống chuẩn mực theo quy định.

O4

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
MỖI HỌC KỲ**

Mức đánh giá	Tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể
KHÁ	+ Học sinh thực hiện được những yêu cầu cơ bản được quy định tại Tiêu chuẩn mức đánh giá “Tốt”, nhưng chưa đạt đến mức tốt. + Học sinh còn có một số sai sót, khuyết điểm trong học tập, rèn luyện; tuy nhiên, có thái độ tích cực và kịp thời khắc phục hạn chế sau khi được nhắc nhở, khiển trách, giáo dục.

O4

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
MỖI HỌC KỲ**

Mức đánh giá	Tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể
ĐẠT	+ Học sinh có khuyết điểm, vi phạm trong việc thực hiện các quy định tại Tiêu chuẩn mức đánh giá “Tốt”, nhưng mức độ chưa nghiêm trọng (từ mức bị cảnh cáo trở xuống); + Học sinh có tiếp thu, khắc phục khuyết điểm, vi phạm; nhưng sự tiến bộ còn chậm so với yêu cầu.

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
MỖI HỌC KỲ**

Mức đánh giá	Tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể
CHƯA ĐẠT	*Có một (01) trong những sai phạm, vi phạm sau đây: + Gian lận trong kiểm tra, thi cử. + Tiếp tục lặp lại sai phạm, hoặc liên tục vi phạm nội quy nhà trường (dù đã được giáo dục nhưng chưa tự giác sửa chữa, khắc phục). + Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự người khác; xâm phạm thân thể người khác (có hành vi gây thương tích cho người khác). + Gây rối an ninh trật tự trong khuôn viên nhà trường hoặc bên ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; vi phạm an toàn thông tin cá nhân và an ninh mạng; có hành vi gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

***04**

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
CẢ NĂM HỌC**

Mức	Tiêu chí đánh giá	
TỐT	Học kỳ II đạt mức Tốt ;	Học kỳ I có mức đánh giá từ Khá trở lên.
KHÁ	Học kỳ II đạt mức Tốt ;	Học kỳ I có mức đánh giá là Đạt hoặc Chưa đạt .
	Học kỳ II đạt mức Khá ;	Học kỳ I có mức đánh giá từ Đạt trở lên.
	Học kỳ II đạt mức Đạt ;	Học kỳ I có mức đánh giá là Tốt .

***04**

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ RÈN
LUYỆN (HẠNH
KIỂM) CỦA
CẢ NĂM HỌC**

Mức	Tiêu chí đánh giá	
ĐẠT	Học kỳ II đạt mức Khá ;	Học kỳ I có mức đánh giá là Chưa đạt .
	Học kỳ II đạt mức Đạt ;	Học kỳ I có mức đánh giá có thể là Khá; Đạt hoặc Chưa đạt .
CHƯA ĐẠT	Các trường hợp còn lại.	

02 HÌNH THỨC

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP (HỌC LỰC) Ở TỪNG MÔN HỌC:

+ BẢNG NHẬN XÉT;

+ BẢNG NHẬN XÉT KẾT HỢP ĐIỂM SỐ.

NHẬN XÉT

(theo yêu cầu chung & đặc thù môn học)

Giáo viên – Học sinh; Học sinh – Học sinh
CMHS – Giáo viên

Sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh

Sử dụng trong đánh giá thường xuyên (ĐGtx) và đánh giá định kỳ (ĐGđk)

02 HÌNH THỨC

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP (HỌC LỰC) Ở TỪNG MÔN HỌC:

+ BẢNG NHẬN XÉT;

+ BẢNG NHẬN XÉT KẾT HỢP ĐIỂM SỐ.

ĐIỂM SỐ

(theo yêu cầu đặc thù môn học)

Giáo viên – Học sinh

Dựa trên thang đo 4 mức độ năng lực, ma trận đặc tả & kiểm tra môn học

Sử dụng trong đánh giá thường xuyên (ĐGtx) và đánh giá định kỳ (ĐGđk)

02 HÌNH THỨC
TỔ CHỨC ĐÁNH
GIÁ KẾT QUẢ
HỌC TẬP (HỌC
LỰC) Ở TỪNG
MÔN HỌC:

+ BẢNG NHẬN
XÉT;

+ BẢNG NHẬN
XÉT KẾT HỢP
ĐIỂM SỐ.

Môn học được đánh giá bằng
“Nhận xét”:

Giáo dục Thể chất (Thể dục); Giáo dục Địa phương

Hoạt động trải nghiệm & hướng nghiệp (sinh hoạt tập thể, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục chủ điểm)

Nhận xét theo 01 trong 02 mức: ĐẠT (Đ) hoặc CHƯA ĐẠT (CĐ)

02 HÌNH THỨC
TỔ CHỨC ĐÁNH
GIÁ KẾT QUẢ
HỌC TẬP (HỌC
LỰC) Ở TỪNG
MÔN HỌC:

+ BẢNG NHẬN
XÉT;

+ BẢNG NHẬN
XÉT KẾT HỢP
ĐIỂM SỐ.

Môn học được đánh giá bằng
“Nhận xét kết hợp Điểm số”:

Tất cả các môn học còn lại (trừ các môn đã nêu ở hình thức đánh giá chỉ bằng nhận xét)

Đánh giá điểm số theo thang điểm 10 (hoặc được quy đổi về thang điểm 10)

Điểm đánh giá (ĐĐG) là số nguyên hoặc số thập phân (lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số)

**KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
QUÁ TRÌNH
ĐÁNH GIÁ
THƯỜNG
XUYỀN
(TRỰC TIẾP /
TRỰC TUYẾN)**

Được kiểm tra, đánh giá nhiều lần (hỏi – đáp; bài viết (tự luận / trắc nghiệm), thí nghiệm – thực hành; sản phẩm học tập)

Chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp tiến trình dạy học để ghi thành kết quả đánh giá trên sổ điểm điện tử của nhà trường.

Môn học đánh giá bằng Nhận xét: **Chọn 02** lần /học kỳ; **không** bao gồm Cụm chuyên đề học tập.

Môn học đánh giá bằng Nhận xét kết hợp Điểm số: số lần chọn được quy định dựa trên **tổng số tiết /năm học** (của mỗi môn học); **không** bao gồm Cụm chuyên đề học tập.

**KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
QUÁ TRÌNH
ĐÁNH GIÁ
THƯỜNG
XUYÊN
(TRỰC TIẾP /
TRỰC TUYẾN)**

Tổng số tiết của môn học / năm học	Số đầu điểm tối thiểu (Số lần chọn) / học kỳ
Môn học có 35 tiết / năm học	02 ĐĐGtx
Môn học có trên 35 tiết đến 70 tiết	03 ĐĐGtx
Môn học có trên 70 tiết	04 ĐĐGtx

KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
QUÁ TRÌNH
ĐÁNH GIÁ
THƯỜNG
XUYỀN
(TRỰC TIẾP /
TRỰC TUYẾN)

Đối với Cụm chuyên đề học tập

Được kiểm tra, đánh giá theo **từng chuyên đề bài học** trong Cụm chuyên đề học tập (thông thường là 03 lần).

Chọn kết quả **01** lần kiểm tra, đánh giá làm **kết quả đánh giá của Cụm chuyên đề học tập**.

Kết quả đánh giá Cụm chuyên đề học tập của **Môn học lựa chọn** được tính là **01 lần đánh giá Thường xuyên của Môn học** đó (để ghi vào sổ điểm điện tử)

**KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
ĐÁNH GIÁ
ĐỊNH KỲ
(GIỮA KỲ /
CUỐI KỲ)**

Thông qua bài kiểm tra (tập trung toàn trường hoặc trên lớp), bài thực hành, dự án học tập;

Thực hiện vào Giữa học kỳ (**GK**) và Cuối học kỳ (**CK**);
Không thực hiện đối với các Cụm chuyên đề học tập.

Đối với môn được đánh giá bằng **Nhận xét**: có **01** lần GK và **01** lần CK.

Đối với môn được đánh giá bằng **Nhận xét kết hợp Điểm số**: có **01** lần **ĐĐGgk** và **01** lần **ĐĐGck**.

KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
ĐÁNH GIÁ
ĐỊNH KỲ
(GIỮA KỲ /
CUỐI KỲ)

Lưu ý học sinh nghiêm túc thực
hiện kiểm tra, đánh giá Định kỳ

Học sinh **không** tham gia kiểm tra, đánh giá theo số lần đã quy định: nếu có lý do bất khả kháng (minh chứng nguyên nhân hợp lý), thì được nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với số lần kiểm tra còn thiếu của học kỳ hiện hành.

Học sinh **không tham gia kiểm tra, đánh giá bù** theo quy định, thì được đánh giá ở mức “Chưa đạt” hoặc nhận điểm 00 (không) đối với số lần kiểm tra còn thiếu.

***KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
ĐÁNH GIÁ
BẰNG NHẬN
XÉT KẾT HỢP
ĐIỂM SỐ CỦA
MỖI HỌC KỲ
6 CẢ NĂM
HỌC**

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

$$\text{ĐTB}_{\text{mch}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

***KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
ĐÁNH GIÁ
BẰNG NHẬN
XÉT CỦA
MỖI HỌC KỲ**

***Riêng đối với hình thức đánh
giá bằng Nhận xét (Đ/CĐ):**

Mức Đạt (Đ): có đủ số lần kiểm tra,
đánh giá theo quy định; **tất cả các lần
đánh giá đều có mức “Đ”.**

Mức Chưa đạt (CĐ): các trường hợp
còn lại.

***KẾT QUẢ
HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
THÔNG QUA
ĐÁNH GIÁ
BẰNG NHẬN
XÉT CỦA
CẢ NĂM HỌC**

***Riêng đối với hình thức đánh
giá bằng Nhận xét (Đ/CĐ):**

**Mức Đạt (Đ): có kết quả học tập của
Học kỳ II được đánh giá mức “Đ”.**

**Mức Chưa đạt (CĐ): các trường hợp
còn lại.**

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
CỦA
MỖI HỌC KỲ
6
CẢ NĂM HỌC**

Mức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
TỐT	Tất cả môn học có đánh giá nhận xét : đều có mức “Đ”
	ĐTBmhk, ĐTBmcn của tất cả các môn học có đánh giá nhận xét kết hợp với điểm số : từ 6,5 điểm trở lên ; <u>Trong đó</u> : có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 8,0 điểm trở lên .

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
CỦA
MỖI HỌC KỲ
6
CẢ NĂM HỌC**

Mức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
KHÁ	Tất cả môn học có đánh giá nhận xét : đều có mức “ Đ ”
	ĐTBm_{hk}, ĐTBm_{cn} của tất cả các môn học có đánh giá nhận xét kết hợp với điểm số : từ 5,0 điểm trở lên ; <u>Trong đó</u> : có ít nhất 06 môn học có ĐTBm _{hk} , ĐTBm _{cn} đạt từ 6,5 điểm trở lên .

04

**MỨC XÉT
DUYỆT KẾT
QUẢ HỌC TẬP
(HỌC LỰC)
CỦA
MỖI HỌC KỲ
6
CẢ NĂM HỌC**

Mức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
ĐẠT	Có nhiều nhất 01 môn học có đánh giá nhận xét là mức “ CĐ ”
	Có ít nhất 06 môn học có ĐTBm _{hk} , ĐTBm _{cn} đạt từ 5,0 điểm trở lên . <u>Không</u> có môn học nào có ĐTBm _{hk} , ĐTBm _{cn} dưới 3,5 điểm .
CHƯA ĐẠT	Các trường hợp còn lại.

02

MỨC XÉT DUYỆT DANH HIỆU KHEN THƯỜNG CỦA CẢ NĂM HỌC

Danh hiệu	Điều kiện xét duyệt
HỌC SINH XUẤT SẮC	Có kết quả rèn luyện và kết quả học tập của Cả năm: đều được đánh giá đạt mức Tốt ; Có ít nhất 06 môn học đều có ĐTBmcn đạt từ 9,0 điểm trở lên.
HỌC SINH GIỎI	Có kết quả rèn luyện và kết quả học tập của Cả năm: đều được đánh giá đạt mức Tốt ;